

## MOVERS PRACTICE 10

### I. Write ( Viết dấu hiệu nhận biết cho đúng vào từng cột)

every day	now	right now
always	at present	sometimes
Look!	at the moment	never
often	Listen!	Be quiet!

HIỆN TẠI ĐƠN	HIỆN TẠI TIẾP DIỄN

### II. Choose ( Chọn đáp án đúng nhất)

#### 1. Thì HIỆN TẠI ĐƠN diễn tả:

- A. 1 việc lặp đi lặp lại
- B. 1 việc đang diễn ra ngay bây giờ
- C. 1 việc sẽ làm trong tương lai

## 2. **Thì HIỆN TẠI TIẾP DIỄN** diễn tả:

- A. 1 sự thật
- B. 1 thói quen
- C. 1 việc đang diễn ra ngay bây giờ

## 3. **Cấu trúc của thì HIỆN TẠI TIẾP DIỄN ?**

- A. V-ing
- B. is/ am/ are + V\_ing

C. is/ am/ are

**4. Cấu trúc nào là của Hiện tại đơn?**

- A. is/ am/ are hoặc V1/ Vs/ Ves
- B. V-ing
- C. Is/am/are+ V-ing

**5. Muốn làm phủ định ( thêm not) của thì HIỆN TẠI TIẾP DIỄN thì mình phải:**

- A. Thêm not vào trợ động từ
- B. Thêm not vào is/am/are
- C. Giữ nguyên không làm gì cả

**6. TRỢ ĐỘNG TỪ có xuất hiện trong thì HIỆN TẠI TIẾP DIỄN không?**

- A. Có
- B. Không

## 7. Câu : He isn't work every Sunday là đúng hay sai?

- A. Đúng

- B. Sai

### III. Write ( Sử dụng HIỆN TẠI ĐƠN)

1. \_\_\_\_\_ your dad \_\_\_\_\_ (play) the piano very well?  
→ Yes, \_\_\_\_\_
2. The weather \_\_\_\_\_ (not/be) sunny
3. I always \_\_\_\_\_ (brush) my teeth and \_\_\_\_\_ (wash) my face every morning.
4. \_\_\_\_\_ (be) you happy?  
→ Yes, \_\_\_\_\_

5. My mom \_\_\_\_\_(be) at home.

6. They \_\_\_\_\_(not/ study) on Sunday.

7. \_\_\_\_\_you \_\_\_\_\_(have) English on Monday?  
→ No, \_\_\_\_\_

8. \_\_\_\_\_(be) they happy?  
→ Yes, \_\_\_\_\_

9. What \_\_\_\_\_he \_\_\_\_\_(do)?

10. \_\_\_\_\_(be) they teachers?  
→ No, \_\_\_\_\_

11. My brother sometimes \_\_\_\_\_  
(listen) to music in his free time.

12. \_\_\_\_\_they \_\_\_\_\_(go) for a walk in  
the morning?  
→ No, \_\_\_\_\_

13. My dad \_\_\_\_\_(not/ smoke)

14. \_\_\_\_\_ she \_\_\_\_\_ (study)  
Maths on Friday?  
→ Yes, \_\_\_\_\_

15. They never \_\_\_\_\_ (wash) their hands.

16. They \_\_\_\_\_ (be) always late for school.

17. My dad \_\_\_\_\_ (have) a big expensive car.

18. \_\_\_\_\_ (be) your friend tall?  
→ No, \_\_\_\_\_

19. We \_\_\_\_\_ (not/ have) long hair.

20. When \_\_\_\_\_ (be) your birthday?

#### IV. Write (Sử dụng THÌ HIỆN TẠI TIẾP DIỄN)

1. My brother \_\_\_\_\_ (sleep) now
2. What \_\_\_\_\_ they \_\_\_\_\_ (eat) right now?

3. \_\_\_\_\_ your mom \_\_\_\_\_ (cook) in the kitchen at the moment?
4. My friends \_\_\_\_\_ (not/ do) their homework. They \_\_\_\_\_ ( play) computer games.
5. Who \_\_\_\_\_ you \_\_\_\_\_ (talk) with?
6. Listen! My grandpa \_\_\_\_\_ ( sing)
7. Be quiet! The students \_\_\_\_\_ (study)
8. We \_\_\_\_\_ (walk) in the park now.
9. What \_\_\_\_\_ you \_\_\_\_\_ (do) now ?  
→ I \_\_\_\_\_ (cook) dinner.
10. \_\_\_\_\_ your mom \_\_\_\_\_ (go) shopping now?  
→ No, \_\_\_\_\_. She \_\_\_\_\_ ( work)

## V. Sử dụng thì HIỆN TẠI ĐƠN hoặc HIỆN TẠI TIẾP DIỄN

1. My teacher \_\_\_\_\_ (talk) now.
2. What \_\_\_\_\_ you \_\_\_\_\_ (eat) for breakfast every morning?
3. \_\_\_\_\_ they \_\_\_\_\_ (watch) TV at the moment?
4. I \_\_\_\_\_ (not/ play) games now.

5. \_\_\_\_\_ your baby sister \_\_\_\_\_ (cry) at night?

6. My brother never \_\_\_\_\_ (brush) his teeth at night.

7. Be quiet! The dog \_\_\_\_\_ (sleep).

8. My mom \_\_\_\_\_ (not/ work) every Saturday and Sunday.

9. What \_\_\_\_\_ she \_\_\_\_\_ (drink) at the moment?

10. \_\_\_\_\_ you \_\_\_\_\_ (wash) your car every Sunday?

11. My dad \_\_\_\_\_ (not/ go) fishing on Sunday.

12. Listen! The man \_\_\_\_\_ (sing).

13. They always \_\_\_\_\_ (take) a photo.

14. \_\_\_\_\_ he \_\_\_\_\_ (read) a book in the living room at present?

15. We \_\_\_\_\_ (not/ like) climbing the tree.

16. What \_\_\_\_\_ she \_\_\_\_\_ (cook) now?

17. My mom \_\_\_\_\_ (not/ work) on Sunday.

18. \_\_\_\_\_ you \_\_\_\_\_(do) your homework at present?

19. My teacher often \_\_\_\_\_(give) us a lot of homework.

20. \_\_\_\_\_ they \_\_\_\_\_( eat) chicken in the afternoon?  
→ No, \_\_\_\_\_

21. \_\_\_\_\_ your friends \_\_\_\_\_( listen) to music now?  
→ Yes, \_\_\_\_\_

22. He always \_\_\_\_\_(watch) TV at night

23. Listen! He \_\_\_\_\_(sing) a song

24. \_\_\_\_\_ your mom \_\_\_\_\_( read) books in the living at the moment?  
→ No, \_\_\_\_\_

25. I \_\_\_\_\_(not/ like) dancing

26. Mr Black never \_\_\_\_\_(smoke)

27. \_\_\_\_\_ your dad and your mom \_\_\_\_\_(talk) now?  
→ Yes, \_\_\_\_\_

28. How often \_\_\_\_\_ he \_\_\_\_\_(brush) his teeth?

29. When \_\_\_\_\_ Anna \_\_\_\_\_ (go) to school?

30. He \_\_\_\_\_ (not/ run) now.

-----**THE END**-----